TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13 /2018/KDTM-PT
Ngày: 08-3-2018
V/v tranh chấp hợp dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Cường

Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương*:** Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05, 08 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 25/2017/TLPT-KDTM, ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc "tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2017/QĐ-PT ngày 28/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty D.

Địa chỉ: đường TTH7, khu phố B, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D – Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T, sinh năm 1980; Địa chỉ: khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2016). Có mặt.

Bị đơn: Công ty G.

Địa chỉ: khu công nghiệp M, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T, sinh năm 1981; Địa chỉ cũ: khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên lạc: Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2016). Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty K.

Địa chỉ: Khu phố Long Bình, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà L – Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

2. Công ty T.

Địa chỉ: đường TH7, khu phố B, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

3. Công ty M.

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Q – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

4. Bà B - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TT.

Địa chỉ: Số 26/4A, đường Quang Trung, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty G.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện nộp ngày 16/5/2016, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/8/2015, Công ty D ký hợp đồng thu mua phế liệu, dọn dẹp vệ sinh với Công ty G, thời hạn hợp đồng 01 năm, có hiệu lực từ ngày 01/9/2015 đến ngày 31/8/2016. Khi ký hợp đồng, Công ty D đã đặt cọc số tiền 180.000.000 đồng. Ngày 22/02/2016, Công ty D nhận được Thông báo số 02/2016/TB-NGCT ngày 17/02/2016 của Công ty G về việc chấm dứt hợp đồng trước hạn, kể từ ngày 01/3/2016 với lý do Công ty D không tuân thủ theo hợp đồng của hai bên đã thỏa thuận, cụ thể không thanh toán công nợ đúng hạn, vi phạm khoản 11 Điều 02 của Hợp đồng.

Ngày 23/3/2016, Công ty D gửi văn bản cho Công ty G thể hiện ý kiến: Công ty D đã thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, đồng thời thông báo việc chấm dứt hợp

đồng trước hạn sẽ gây thiệt hại rất lớn cho Công ty D do bị phạt cọc, phạt vi phạm hợp đồng, lương nhân công… theo những hợp đồng có liên quan mà Công ty D đã ký với các đối tác, nhưng Công ty G không đồng ý vẫn tiếp tục chấm dứt hợp đồng kể từ ngày 01/3/2016.

Theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng thì Công ty D "Phải trả cho bên B theo đúng hợp đồng. Thanh toán ngay sau mỗi lần thu gom. Giá cả có thể biến động theo thị trường". Tuy nhiên, hai bên không thực hiện theo thỏa thuận này vì sau mỗi lần thu gom (hàng ngày) khối lượng dăm bào, củi vụn, củi domino ít, chưa xác định giá thành nên không thể thực hiện thanh toán ngay sau mỗi lần thu gom, mà thực tế việc thanh toán được các bên thực hiện như sau: Công ty D tiến hành thanh toán cho Công ty G sau khi hai bên đã chốt được khối lượng và giá cả. Việc thanh toán được thực hiện nhiều lần và không ấn định thời hạn thực hiện cho đến khi thanh toán xong số tiền mà hai bên đã chốt. Với cách thanh toán này, Công ty D không những đã thực hiện trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng này mà còn được thực hiện trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết và thực hiện trước đây, Công ty G không có ý kiến gì về việc hai bên thực hiện thanh toán như trên.

Mặt khác, theo thỏa thuận sau khi hai bên chốt khối lượng, giá cả dăm bào, củi vụn, củi domino đã thu gom thì Công ty G phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng tổng số tiền để Công ty D thanh toán nhưng Công ty G không thực hiện.

Công ty D thấy mình không vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Công ty G đơn phương chấm dứt hợp đồng đã dẫn đến thiệt hại cho Công ty D. Cụ thể:

1. Thiệt hại do chấm dứt hợp đồng thuê xe với Công ty TNHH MTV thương mại Vận tải Thùy Trang trước hạn:

Bị phạt cọc: 1.500.000.000 đồng.

Bồi thường thiệt hại tương ứng 02 tháng tiền thuê xe: 415.000.000 đồng.

Tiền thuê xe của tháng 3/2016 phải trả nhưng không sử dụng do Công ty G chấm dứt dứt hợp đồng: 207.500.000 đồng.

2. Thiệt hại do bị phạt cọc đối với hợp đồng mua bán dăm bào, củi vụn, củi domino với Công ty TNHH MTV M: 300.000.000 đồng.

3. Thiệt hại do bị phạt cọc đối với hợp đồng mua bán dăm bào, củi vụn, củi domino với Doanh nghiệp tư nhân Tiến Thành: 200.000.000 đồng.

4. Thiệt hại do bị phạt cọc đối với Hợp đồng mua bán dăm bào, củi vụn, củi domino với Công ty TNHH K: 800.000.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty D bị thiệt hại: 3.422.500.000 đồng.

Nay, Công ty D khởi kiện yêu cầu Công ty G phải thanh toán tổng cộng số tiền 3.782.500.000 đồng. Trong đó: Tiền đặt cọc 180.000.000 đồng; tiền phạt cọc do vi phạm hợp đồng (đơn phương chấm dứt hợp đồng thu mua phế liệu, dọn dẹp vệ sinh ngày 27/8/2015): 180.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại 3.422.500.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu kiến nghị cơ quan quản lý thuế – Cục thuế tỉnh Bình Dương

thanh tra việc kê khai nộp thuế đối với Hợp đồng thu mua phế liệu, dọn dẹp vệ sinh ngày 27/8/2015.

Trong Bản tự khai ngày 24/6/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về việc hai bên có ký hợp đồng thu mua phế liệu, dọn dẹp vệ sinh ngày 27/8/2015. Theo thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng quy định về trách nhiệm của bên Công ty D "Thanh toán tiền ngay sau mỗi lần thu gom". Sau đó, để thuận tiện trong thanh toán, Công ty D có đề nghị sẽ thanh toán cho Công ty G làm 2 đợt dựa vào số liệu được xác nhận vào ngày đầu tháng và giữa tháng. Theo đó, Công ty D sẽ trả tiền ngay sau khi chốt số liệu. Công ty D đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng trả không đủ, nợ kéo dài. Mặc dù, Công ty G đã yêu cầu Công ty D phải thực hiện theo hợp đồng, phải trả tiền cho Công ty G nhưng Công ty D không thực hiện.

Nhận thấy, Công ty D không có thiện chí tích cực trong việc trả nợ cho Công ty G, đã vi phạm vào điều khoản thanh toán nên Công ty G đã căn cứ vào Điều 4 của hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và không cần báo trước cho Công ty D. Việc chấm dứt hợp đồng với Công ty D là đúng với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng. Do đó, Công ty G không có nghĩa vụ phải bồi thường các thiệt hại cho Công ty D.

Về yêu cầu của Công ty D kiến nghị thanh tra thuế đối với Công ty G: Công ty Grand Art hàng tháng đều có xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty D và có báo cáo quyết toán thuế đối với các hóa đơn này. Do đó, Công ty Grand Art không có hành vi gian dối về thuế.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý trả lại số tiền đặt cọc 180.000.000 đồng và không đồng ý tất cả các yêu cầu còn lại của nguyên đơn.

Tại Đơn phản tố ngày 27/7/2016, Công ty G yêu cầu Công ty D thanh toán số tiền còn nợ thu mua phế liệu chưa trả 641.496.200 đồng.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty D đối với bị đơn Công ty TNHH Công nghiệp G về việc: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Buộc Công ty TNHH Công nghiệp G có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty D số tiền 3.782.500.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D về việc kiến nghị Cơ quan quản lý thuế – Cục thuế tỉnh Bình Dương thanh tra việc kê khai nộp thuế đối với Hợp đồng thu mua phế liệu, dọn dẹp vệ sinh ngày 27/8/2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH Công nghiệp G đối với nguyên đơn Công ty D về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ 614.496.200 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/10/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-KD về việc kháng nghị đối với Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương và ngày 27/10/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định bổ sung kháng nghị phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-KD ngày 12/10/2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B.

Ngày 11/10/2017, bị đơn Công ty TNHH Công nghiệp G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn kháng cáo: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn ngày 11/10/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B về khoản bị đơn không phải chịu phạt số tiền 180.000.000đồng; thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và sửa án sơ thẩm như sau: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn do bị đơn không chứng minh được; ghi nhận bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền nhận cọc 180.000.000đồng, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc kiến nghị Cơ quan quản lý thuế Cục thuế tỉnh Bình Dương thanh tra

việc kê khai nộp thuế đối với Hợp đồng thu mua phế liệu, dọn dẹp vệ sinh ngày 27/8/2015.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xét xử vụ án đến ngày 11/10/2017, bị đơn Công ty TNHH Công nghiệp G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 12/10/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-KD về việc kháng nghị đối với Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương và ngày 27/10/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định bổ sung kháng nghị phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-KD ngày 12/10/2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B là trong thời hạn theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Công ty Vận tải T, Công ty K, Công ty Mẹ và Bé và bà Phan Thị Ba – Chủ Doanh nghiệp tư nhân TT đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên tòa ngày 24/01/2018, ngày 06/02/2018 và ngày 05/03/2018. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[4] Bản án sơ thẩm xác định: Công ty K, Công ty TNHH MTV Thương mại Vận tải T, Công ty TNHH MTV M và bà B - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TT tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong hồ sơ có các lời khai của đương sự nhưng trong bản án không nêu lời trình bày, nhận định về lời khai, yêu cầu của đương sự để làm rõ nội dung vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng tại điểm b khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Bị đơn có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn thanh toán tiền nợ 614.496.200 đồng, cung cấp thêm chứng cứ chứng minh yêu cầu phản tố vào ngày 30/9/2016 và được Toà án cấp sơ thẩm thụ lý theo thông báo số 04/TBTL-KDTM ngày 27/7/2016. Toà án cấp sơ thẩm đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 23/TBPH-KDTM ngày 29/9/2016 đối với yêu cầu phản tố của bị đơn. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không lập văn bản về việc tống đạt Thông báo số 23/TBPH-KDTM ngày 29/9/2016 cho đại diện bị đơn. Tại Biên bản giao Giấy triệu tập ngày 29/9/2016 (Bút lục 376) Toà án cấp sơ

thẩm giao giấy triệu tập cho ông T đại diện bị đơn với yêu cầu có mặt tại Tòa án lúc 08 giờ 30 ngày 07/10/2016 để làm việc mà không ghi rõ nội dung làm việc. Ông T đại diện bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/10/2016 không rõ lý do nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không lập biên bản hoãn phiên họp, không thông báo kết quả phiên họp cho ông Tuấn là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự vắng mặt, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng tại khoản 3 Điều 209, khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/10/2016 không ghi đủ thành phần người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không ghi nhận việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ý kiến của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là vi phạm quy định tại Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty D về việc kiến nghị Cơ quan quản lý thuế – Cục thuế tỉnh Bình Dương thanh tra việc bị đơn kê khai nộp thuế đối với Hợp đồng thu mua phế liệu, dọn dẹp vệ sinh ngày 27/8/2015 đã được cấp sơ thẩm thụ lý theo Thông báo thụ lý số 12/TBTL-KDTM ngày 25/5/2016. Toà án cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu khởi kiện này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhưng không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này mà tuyên bác yêu cầu khởi kiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng tại điểm đ khoản 1 Điều 192 và điểm g, khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Các chứng cứ do đương sự nộp theo kết quả giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/10/2016 là bản phô tô, chưa được công chứng, chứng thực hoặc đối chiếu bản chính, các chứng cứ bằng tiếng nước ngoài (bút lục 238 đến 280) nhưng chưa được phiên dịch sang tiếng Việt. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự cung cấp bản chính để đối chiếu, hoặc công chứng, chứng thực và phiên dịch sang tiếng Việt nhưng vẫn sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 20, Khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn cho rằng chứng cứ của bị đơn cung cấp là bản phô tô nên không chấp nhận vì không đúng quy định.

[8] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trình bày: Ngày 27/8/2015, Công ty D và Công ty G ký hợp đồng thu mua phế liệu, dọn dẹp vệ sinh với các nội dung chính: Quyền và nghĩa vụ của các bên; thời hạn hợp đồng 01 năm, kể từ ngày 01/9/2015 đến ngày 31/8/2016, số tiền đặt cọc 180.000.000 đồng và điều khoản vi phạm hợp đồng. Ngày 17/02/2016, Công ty G gửi văn bản thông báo cho Công ty D về việc sẽ chấm dứt hợp đồng kể từ ngày 01/3/2016, vì cho rằng nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng, còn nguyên đơn cho rằng mình không vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán để từ đó đơn phương chấm dứt hợp đồng trước hạn là không đúng pháp luật và tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ. Bởi lẽ:

- Tại Đơn yêu cầu phản tố ngày 27/7/2016 (bút lục số 356), bị đơn đã đưa ra chứng cứ lịch trình nhận hàng có chữ ký của các tài xế xe: 61C12378, 61C12060, 61C12419, 61C11899, 61C04249 do nguyên đơn thuê theo hợp đồng ngày 29/8/2015 thuê xe của Công ty T. Theo hợp đồng thu mua phế liệu, dọn dẹp vệ sinh mà hai bên đã ký kết trước đó ngày 27/8/2014 (đã được thanh toán tiền xong) thì lịch trình nhận hàng cũng có chữ ký của các tài xế xe: 61C12378, 61C12060, 61C12419, 61C11899, 61C04249. Nguyên đơn thừa nhận thanh toán đầy đủ tiền mua phế liệu nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ từng đợt thanh toán tiền mua phế liệu, thanh toán theo khối lượng và chứng từ nào, tài xế nào lấy hàng để kiểm tra, đối chiếu với các chứng cứ mà bị đơn đã giao nộp; chưa làm rõ lịch trình của các xe nhận hàng từ tháng 6/2015 đến tháng 12/2015; không tiến hành lấy lời khai của các tài xế xe có ký tên trên bảng thanh toán mà cho rằng không cần thiết là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đồng thời, lời khai cũng như chứng cứ nguyên đơn, bị đơn cung cấp có mâu thuẫn nhau như đã phân tích ở trên nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất làm rõ những mâu thuẫn trong vụ án khi cần thiết mà chấp nhận yêu cầu không đối chất của đương sự là vi phạm Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự, từ đó không thể làm rõ hết các tình tiết, chứng cứ trong vụ án để giải quyết khách quan, toàn diện vụ án.

[9] Đối với yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại của nguyên đơn đối với số tiền đã thanh toán cho Công ty T, Công ty K, Công ty M và DNTN TT nguyên đơn cung cấp các Phiếu thu thanh toán tiền bồi thường bằng tiền mặt với số tiền đều lớn hơn 20.000.000 đồng mà không thông qua ngân hàng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ lý do thanh toán bằng tiền mặt, chưa thu thập các chứng cứ về việc chuyển khoản qua ngân hàng theo quy định, thu thập các báo cáo thuế, báo cáo tài chính của nguyên đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan để chứng minh khoản tiền mà nguyên đơn đã thanh toán là chưa đảm bảo giá trị chứng minh của các chứng cứ trên theo quy định pháp luật. Bởi lẽ, theo các phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do Phòng Cảnh sát giao thông dường bộ đường sắt Công an tỉnh Bình Dương cung cấp cùng ngày 05/3/2018 thể hiện các xe ôtô biển số 61C12378, 61C12060, 61C12419, 61C11899, 61C04249 đều không phải của Công ty Thùy Trang mà xe ôtô biển số 61C12378 do bà Lê Thị Lan giám đốc Công ty K đứng tên đăng ký xe và các xe còn lại 61C12060, 61C12419, 61C11899, 61C04249 đều do ông D giám đốc Công ty D đứng tên đăng ký.

[10] Nguyên đơn cho rằng bị thiệt hại: - Do chấm dứt hợp đồng thuê xe với Công ty Thùy Trang trước hạn: Bị phạt cọc: 1.500.000.000 đồng. Bồi thường thiệt hại tương ứng 02 tháng tiền thuê xe: 415.000.000 đồng. Tiền thuê xe của tháng 3/2016 phải trả nhưng không sử dụng do Công ty G chấm dứt hợp đồng: 207.500.000 đồng.

- Thiệt hại do bị phạt cọc đối với hợp đồng mua bán dăm bào, củi vụn, củi domino với Công ty TNHH MTV M: 300.000.000 đồng.

- Thiệt hại do bị phạt cọc đối với hợp đồng mua bán dăm bào, củi vụn, củi domino với Doanh nghiệp tư nhân Tiến Thành: 200.000.000 đồng.

- Thiệt hại do bị phạt cọc đối với Hợp đồng mua bán dăm bào, củi vụn, củi domino với Công ty TNHH K: 800.000.000 đồng.

Theo bản sao kê ngân hàng do nguyên đơn cung cấp (bút lục 441 đến 469) thể hiện nguyên đơn ngoài mua bán dăm bào, phế liệu với bị đơn còn mua bán dăm bào, phế liệu với rất nhiều Công ty, cá nhân khác thanh toán tiền qua Ngân hàng thương mai cổ phần đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa thu thập các chứng cứ về việc nguyên đơn đã áp dụng các biện pháp hợp lý để hạn chế tổn thất, làm rõ trong trường hợp nếu không mua được dăm bào, phế liệu của bị đơn thì có thể mua của các đối tác khác, sử dụng xe Công ty Thùy Trang để vận chuyển hàng của các đối tác khác nhằm thực hiện hợp đồng với những người liên quan hay không mà chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường toàn bộ thiệt hại là chưa đảm bảo quy định tại Điều 305 Luật Thương mại, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên xét thấy các sai sót của cấp sơ thẩm trong việc thu thập chứng cứ và chứng minh, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần thiết hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Vì vậy, ý kiến thay đổi nội dung kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc sửa án bản sơ thẩm là chưa phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận. Đối với kháng cáo của bị đơn là không phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận.

Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận việc thay đổi kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty G.

3. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty G không phải nộp, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty G 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0017077 ngày 18/10/2017 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017279 ngày 27/11/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã B;
- TAND thị xã B;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa KT, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trí Dũng